| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **32**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2023
Về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh.**
*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Huỳnh Thị Lệ** – Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình.**
***- Thư ký phiên toà***: Bà **Nguyễn Thị Kim Tuyến** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: Ông **Võ Phước Khánh Toàn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn A; sinh năm: 1994; địa chỉ: Số 34 đường H, tổ 20, phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T; sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ 33, phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng. Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đ – Bộ Công an (Địa chỉ: xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn A trình bày**:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phan Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường N, quận L, TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống thì từ năm 2018 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm,

không thể tìm thấy tiếng nói chung về mọi vấn đề trong cuộc sống. Tháng 12/2018, sau khi sinh con xong được vài tháng thì bà T bỏ đi nơi khác sống, không liên lạc với gia đình, hai vợ chồng sống ly thân. Hiện nay bà T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đ – Bộ Công an. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn tình cảm nên ông Phan Văn A đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Ông Phan Văn A khai nhận có 01 con chung là Phan Hoàng Đăng K, sinh ngày 13/6/2018. Hiện nay ông A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Phan Văn A có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:* Ông Phan Văn A xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

**Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đ – Bộ Công an vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và tại Bản tự khai ngày 09.6.2023 trình bày như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phan Văn A kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay ông Phan Văn A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà T đồng ý.

- *Về quan hệ con chung:* Bà Nguyễn Thị Thanh T khai nhận có 01 con chung là Phan Hoàng Đăng K, sinh ngày 13/6/2018. Hiện nay ông A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà T đồng ý giao con chung cho ông A nuôi dưỡng.

- *Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Thanh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Phan Văn A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T; giao con chung Phan Hoàng Đăng

K, sinh ngày 13/6/2018 cho ông Phan Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, ông A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung ông Phan Văn A khai nhận không có nên không đề cập giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn ông Phan Văn A với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đ – Bộ Công an và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thanh T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn A đối với bà Nguyễn Thị Thanh T thì thấy:

***Về quan hệ hôn nhân:*** Ông Phan Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T đăng ký kết hôn 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02/2018 ngày 11/01/2018, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống ông Phan Văn A cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm, không thể tìm thấy tiếng nói chung về mọi vấn đề trong cuộc sống. Năm 2018 bà T đã bỏ đi khỏi địa phương, không liên lạc với gia đình và hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đ – Bộ Công an. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thanh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và thống nhất yêu cầu ly hôn của ông A.

HĐXX xét thấy, qua xác minh thì chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng bà T và ông A có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung từ năm 2018 là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông A và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phan Văn A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

***Về quan hệ con chung:*** Ông Phan Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phan Hoàng Đăng K, sinh ngày 13/6/2018. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Phan Văn A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy bà T bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018 và ông A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung trong thời gian bà T bỏ đi. Hơn nữa, bà T đang chấp

hành hình phạt tù, không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và đã có ý kiến thống nhất giao con chung cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn A về việc nuôi con, giao con chung Phan Hoàng Đăng K, sinh ngày 13/6/2018 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Phan Văn A không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

***- Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung:*** Ông Phan Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T khai nhận vợ chồng không có tài sản chung; xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông Phan Văn A phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn*"* của ông Phan Văn A đối với bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phan Văn A được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về quan hệ con chung**:** Giao con chung Phan Hoàng Đăng K, sinh ngày 13/6/2018 cho ông Phan Văn A trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Thanh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Văn A và bà Nguyễn Thị Thanh T khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên HĐXX không xem xét.

II. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông Phan Văn A phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số

0007940 ngày 28/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông Phan Văn A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- VKSND quận Liên Chiểu;*
*- Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu;*
*- UBND phường N, quận L;*
*(Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2018 ngày 10.01.2018)*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Trinh**